

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5**

Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 26



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Duy Bái	Chủ tịch
Ông Ngô Hải An	Ủy viên
Ông Mai Văn Dinh	Ủy viên
Ông Đỗ Công Hiến	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2013)
Ông Đỗ Trọng Quỳnh	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2013)
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Ngô Hải An	Tổng Giám đốc
Ông Mai Văn Dinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đức Cung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tống Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngô Hải An  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2013

Số: 310 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Xây dựng số 5**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2013 từ trang 4 đến trang 26. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Đặng Chí Dũng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0030-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 14 tháng 8 năm 2013  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Lã Toàn Thắng**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0771-2013-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>623.594.843.071</b>	<b>644.743.610.164</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>		<b>10.081.198.564</b>	<b>9.048.755.082</b>
1. Tiền	111	5	10.081.198.564	9.048.755.082
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>3.500.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	3.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>316.913.129.486</b>	<b>303.106.541.857</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	281.945.913.872	249.729.132.005
2. Trả trước cho người bán	132		7.671.301.675	24.660.676.348
3. Các khoản phải thu khác	135	7	38.341.395.766	41.408.383.324
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(11.045.481.827)	(12.691.649.820)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>292.860.187.054</b>	<b>325.474.619.474</b>
1. Hàng tồn kho	141		293.856.155.597	326.470.588.017
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(995.968.543)	(995.968.543)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.740.327.967</b>	<b>3.613.693.751</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		122.010.904	242.032.500
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.618.317.063	3.371.661.251
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+260)	<b>200</b>		<b>41.797.109.412</b>	<b>47.311.223.680</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>37.379.354.524</b>	<b>42.558.915.394</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	37.379.354.524	41.325.080.493
- Nguyên giá	222		97.617.335.954	102.692.735.469
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.237.981.430)	(61.367.654.976)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	1.233.834.901
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.417.754.888</b>	<b>4.752.308.286</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.417.754.888	4.499.343.741
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	252.964.545
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>665.391.952.483</b>	<b>692.054.833.844</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>569.233.217.571</b>	<b>589.893.973.558</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>561.396.819.898</b>	<b>579.871.721.377</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	365.236.707.458	342.363.176.627
2. Phải trả người bán	312	12	65.498.564.840	75.204.316.018
3. Người mua trả tiền trước	313	13	29.104.078.611	34.190.837.325
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	25.946.072.308	19.062.270.080
5. Phải trả người lao động	315		3.221.153.400	11.720.804.769
6. Chi phí phải trả	316	15	18.491.443.539	38.655.398.688
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	51.288.891.077	55.703.495.932
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.609.908.665	2.971.421.938
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.836.397.673</b>	<b>10.022.252.181</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	6.841.909.844	9.113.161.272
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		994.487.829	909.090.909
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>91.507.401.430</b>	<b>97.158.105.303</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>91.507.401.430</b>	<b>97.158.105.303</b>
1. Vốn điều lệ	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.828.000.000	9.828.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		6.092.053.115	5.397.093.115
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.442.537.760	16.636.194.469
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.053.291.356	2.915.810.367
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.091.519.199	12.381.007.352
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>4.651.333.482</b>	<b>5.002.754.983</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>665.391.952.483</b>	<b>692.054.833.844</b>

*Trần Thị Kim Oanh*

Trần Thị Kim Oanh  
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 8 năm 2013

*Mai Văn Sơn*

Mai Văn Sơn  
Kế toán trưởng



*Ngô Hải An*  
Ngô Hải An  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		203.564.931.196	325.174.700.913
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		379.143.374	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	19	203.185.787.822	325.174.700.913
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	179.998.784.771	293.514.723.978
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		23.187.003.051	31.659.976.935
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		120.658.296	415.274.907
7. Chi phí tài chính	22		18.674.406.021	19.408.441.008
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.674.406.021	19.408.441.008
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.354.097.273	10.123.491.730
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		(720.841.947)	2.543.319.104
10. Thu nhập khác	31		2.993.644.045	588.407.690
11. Chi phí khác	32		332.448.449	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	21	2.661.195.596	588.407.690
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.940.353.649	3.131.726.794
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		733.104.395	504.808.007
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.207.249.254	2.626.918.787
Phân phối cho:				
15.1. Cổ đông của Công ty mẹ	61		1.558.670.755	2.620.280.557
15.2. Lợi ích của cổ đông thiểu số	62		(351.421.501)	6.638.230
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	312	524

*Trần Thị Kim Oanh*

Trần Thị Kim Oanh  
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 8 năm 2013

*Mai Văn Sơn*

Mai Văn Sơn  
Kế toán trưởng



*Ngô Hải An*

Ngô Hải An  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	1.940.353.649	3.131.726.794
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.085.247.559	6.117.244.068
Các khoản dự phòng	03	(1.646.167.993)	2.042.334.712
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.051.394.457)	(469.754.907)
Chi phí lãi vay	06	18.674.406.021	19.408.441.008
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	22.002.444.779	30.229.991.675
Thay đổi các khoản phải thu	09	(12.407.075.448)	(26.248.198.676)
Thay đổi hàng tồn kho	10	32.614.432.420	46.841.479.688
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(44.191.051.142)	(98.674.218.303)
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.175.649.565	2.658.017.671
Tiền lãi vay đã trả	13	(18.755.511.450)	(19.504.593.978)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.384.647.241)	(795.940.910)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	1.676.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.343.553.000)	(2.374.220.910)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(22.289.311.517)	(66.191.683.743)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(864.860.000)	(1.183.147.128)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	935.000.000	54.480.000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.500.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	120.658.296	415.274.907
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	3.690.798.296	(713.392.221)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	159.328.215.789	207.800.945.277
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(138.725.936.386)	(160.382.553.279)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(971.322.700)	(6.001.927.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	19.630.956.703	41.416.464.998
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	1.032.443.482	(25.488.610.966)
Tiền tồn đầu kỳ	60	9.048.755.082	39.450.703.116
Tiền tồn cuối kỳ	70	10.081.198.564	13.962.092.150

*Trần Thị Kim Oanh*

Trần Thị Kim Oanh  
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 8 năm 2013

*Mai Văn Sơn*

Mai Văn Sơn  
Kế toán trưởng



*Ngô Hải An*

Ngô Hải An  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa theo Quyết định số 1552/QĐ-BXD ngày 04 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2603000225 ngày 05 tháng 11 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Công ty đã thực hiện niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2008 theo Quyết định số 07/QĐ-TTGDHN ngày 08 tháng 01 năm 2008 về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VC5.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, công ty có một (01) công ty con là Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí Nội thất Việt Nam.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng các công trình công nghiệp và thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, cảng thủy và cảng hàng không; Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện; Gia công cơ khí xử lý và tráng phủ kim loại; Trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Đầu tư khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Dịch vụ môi giới, cung ứng và quản lý lao động trong nước;
- Bán buôn tổng hợp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sửa chữa, bảo trì: Thiết bị cơ, điện, nước, và các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tẻ bện;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Kinh doanh các sản phẩm từ gỗ công nghiệp phục vụ trong xây dựng và gia dụng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

**Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp**

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 8

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, dàn giáo, cốp pha được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	4.563.780.055	116.748.327
Tiền gửi ngân hàng	5.517.418.509	8.932.006.755
	<u>10.081.198.564</u>	<u>9.048.755.082</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan	163.103.362.812	150.345.456.588
Phải thu các đối tượng khác	118.842.551.060	99.383.675.417
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn</i>	<i>14.337.356.898</i>	<i>16.052.713.241</i>
<i>Nhà máy Xi măng Sông Gianh Quảng Bình</i>	<i>2.766.271.314</i>	<i>2.766.271.314</i>
<i>Công ty TNHH MTV Than Hạ Long</i>	<i>4.849.490.424</i>	<i>9.397.759.844</i>
<i>Nhà máy Giấy Bãi Bằng</i>	<i>4.879.955.742</i>	<i>4.879.955.742</i>
<i>Công ty Cổ phần Điện VIETRACIMEX Lào Cai</i>	<i>31.766.946.153</i>	<i>14.754.929.971</i>
<i>Ban quản lý các dự án và khai thác hạ tầng</i>	<i>3.596.603.207</i>	<i>3.596.603.207</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bim Sơn</i>	-	<i>3.391.476.826</i>
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Tây</i>	<i>11.797.441.000</i>	<i>8.490.200.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Constrexim</i>	<i>16.632.350.979</i>	<i>14.798.190.017</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư T&amp;M Việt Nam</i>	<i>12.788.724.404</i>	<i>5.571.357.785</i>
<i>Công ty Cổ phần Kỹ thuật Sigma</i>	<i>4.542.892.969</i>	<i>2.899.015.357</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>10.884.517.970</i>	<i>12.785.202.113</i>
	<b><u>281.945.913.872</u></b>	<b><u>249.729.132.005</u></b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Ứng trước cho các đội xây dựng	30.583.004.970	32.360.744.677
Phải thu khác	7.758.390.796	9.047.638.647
	<b><u>38.341.395.766</u></b>	<b><u>41.408.383.324</u></b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.978.960.476	4.590.795.170
Công cụ, dụng cụ	1.100.577.533	1.137.018.037
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	290.776.617.588	320.742.774.810
	<b><u>293.856.155.597</u></b>	<b><u>326.470.588.017</u></b>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(995.968.543)</u>	<u>(995.968.543)</u>
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b><u>292.860.187.054</u></b>	<b><u>325.474.619.474</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	16.855.141.381	47.094.519.289	14.293.553.905	24.449.520.894	102.692.735.469
Mua trong kỳ	-	96.000.000	694.960.000	73.900.000	864.860.000
Thanh lý, nhượng bán	-	1.620.865.190	1.039.745.736	1.265.559.132	3.926.170.058
Giảm khác(*)	-	1.420.460.313	25.126.364	568.502.780	2.014.089.457
Tại ngày 30/6/2013	16.855.141.381	44.149.193.786	13.923.641.805	22.689.358.982	97.617.335.954
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	4.992.221.886	32.958.248.620	12.025.456.190	11.391.728.280	61.367.654.976
Trích khấu hao trong kỳ	244.001.811	2.014.063.591	732.038.300	1.095.143.857	4.085.247.559
Thanh lý, nhượng bán	-	1.616.601.351	1.039.745.736	1.265.559.132	3.921.906.219
Giảm khác(*)	-	932.371.904	16.006.426	344.636.556	1.293.014.886
Tại ngày 30/6/2013	5.236.223.697	32.423.338.956	11.701.742.328	10.876.676.449	60.237.981.430
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/6/2013	11.618.917.684	11.725.854.830	2.221.899.477	11.812.682.533	37.379.354.524
Tại ngày 31/12/2012	11.862.919.495	14.136.270.669	2.268.097.715	13.057.792.614	41.325.080.493

(\*) Giảm khác là do Công ty kết chuyển các tài sản cố định có nguyên giá nhỏ hơn 30.000.000 VND sang chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 25.976.411.587 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 26.200.964.052 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 và 17, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 25.153.840.711 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 30.018.765.003 VND) để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí Nội thất Việt Nam, hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, có tổng vốn điều lệ là 10 tỷ VND. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0101295134 ngày 16 tháng 6 năm 2010 của Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí Nội thất Việt Nam do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, số cổ phần mà Công ty nắm giữ tại công ty con là 510.000 cổ phần, tương đương tỷ lệ sở hữu là 51%. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty đã góp đủ số vốn đã cam kết, với tổng số tiền là 3.591.340.115 VND.

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần mà Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí Nội thất Việt Nam.

**11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	359.648.136.030	335.854.965.199
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 17)	5.588.571.428	6.508.211.428
	<b>365.236.707.458</b>	<b>342.363.176.627</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay bằng VND từ các ngân hàng thương mại dưới hình thức các hợp đồng vay có thời hạn không quá một năm. Các khoản vay này được dùng để bổ sung vốn lưu động của Công ty và được đảm bảo bằng tài sản cố định, lãi suất được quy định theo từng hợp đồng vay từ 11, 5%/năm đến 14%/năm.

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn theo ngân hàng như sau:

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bim Sơn	231.948.708.433	207.158.173.890
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bim Sơn	79.964.921.128	103.368.075.573
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàng Quốc Việt	47.734.506.469	25.328.715.736
	<u><b>359.648.136.030</b></u>	<u><b>335.854.965.199</b></u>

**12. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	35.285.773.279	32.689.718.564
Phải trả các đối tượng khác	30.212.791.561	42.514.597.454
<i>Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - Công ty cổ phần</i>	<i>1.154.489.000</i>	<i>1.154.489.000</i>
<i>Công ty Cổ phần ANT Toàn Cầu</i>	<i>-</i>	<i>3.915.619.775</i>
<i>Công ty TNHH Tân Tiến</i>	<i>538.671.650</i>	<i>1.350.569.450</i>
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị và xây dựng 142</i>	<i>538.064.365</i>	<i>1.760.353.965</i>
<i>Công ty TNHH Hải Minh</i>	<i>311.423.550</i>	<i>1.311.423.550</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Quang I</i>	<i>838.726.258</i>	<i>5.397.536.291</i>
<i>Công ty Cổ phần Thép và Vật tư công nghiệp</i>	<i>3.001.402.900</i>	<i>6.001.402.900</i>
<i>Công ty TNHH Đầu tư XD và TM Tuấn Phong</i>	<i>1.752.248.655</i>	<i>1.235.940.530</i>
<i>Công ty TNHH Công nghiệp Chính Đại</i>	<i>-</i>	<i>2.845.545.099</i>
<i>Công ty Cổ phần Kỹ thuật Santek</i>	<i>-</i>	<i>1.249.690.285</i>
<i>Công ty TNHH Cốt liệu và Bê tông</i>	<i>1.699.163.622</i>	<i>1.306.826.919</i>
<i>Công ty TNHH TM Trà My</i>	<i>1.026.645.000</i>	<i>858.520.000</i>
<i>Công ty Cổ phần CIEC Toàn Cầu</i>	<i>1.388.738.088</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Hà Thành</i>	<i>1.194.729.398</i>	<i>-</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>16.768.489.075</i>	<i>14.126.679.690</i>
	<u><b>65.498.564.840</b></u>	<u><b>75.204.316.018</b></u>

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Nhận trước từ các bên liên quan	14.803.366.808	12.515.421.254
Nhận trước từ các đối tượng khác	14.300.711.803	21.675.416.071
<i>Văn phòng kết hợp Khách sạn số 47 Quán Thánh</i>	<i>473.084.000</i>	<i>2.000.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần ĐT và PT đô thị Thăng Long</i>	<i>3.262.443.000</i>	<i>3.262.443.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Bút Sơn</i>	<i>2.157.465.664</i>	<i>2.157.465.664</i>
<i>Tập đoàn Viễn thông Quân đội</i>	<i>-</i>	<i>5.740.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Lương thực Thực phẩm và Hỗ trợ ngành ong</i>	<i>3.499.751.400</i>	<i>3.499.751.400</i>
<i>Công ty Cổ phần Him Lam - Chi nhánh Bắc Ninh</i>	<i>2.516.526.300</i>	<i>700.000.000</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>2.391.441.439</i>	<i>4.315.756.007</i>
	<u><b>29.104.078.611</b></u>	<u><b>34.190.837.325</b></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	22.396.920.726	15.343.787.645
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.625.837.353	3.277.380.199
Thuế thu nhập cá nhân	774.480.151	441.102.236
Tiền thuê đất	148.834.078	-
	<u>25.946.072.308</u>	<u>19.062.270.080</u>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Chi phí trích trước các công trình	17.765.928.912	37.027.485.993
Chi phí lãi vay	536.735.571	617.841.000
Chi phí trích trước khác	188.779.056	1.010.071.695
	<u>18.491.443.539</u>	<u>38.655.398.688</u>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải trả các đội xây dựng	33.958.403.915	45.449.232.356
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BH thất nghiệp	6.363.904.610	4.618.042.626
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	10.966.582.552	5.636.220.950
	<u>51.288.891.077</u>	<u>55.703.495.932</u>

**17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bim Sơn	12.138.161.272	14.701.732.700
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàng Quốc Việt	292.320.000	919.640.000
	<u>12.430.481.272</u>	<u>15.621.372.700</u>

Vay dài hạn thể hiện các khoản vay bằng VND từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo các hợp đồng vay dài hạn. Các khoản vay này được dùng để đầu tư, mua sắm thiết bị thi công và tài sản mới (trạm trộn bê tông, cần cầu tháp, máy đào bánh lốp) và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay từ 3 năm đến 7 năm, lãi suất vay được quy định theo từng hợp đồng vay từ 12,5%/năm đến 14,5%/năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.588.571.428	6.508.211.428
Trong năm thứ hai	4.995.177.144	5.417.142.858
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.558.177.700	3.696.018.414
Sau năm năm	288.555.000	-
	<u>12.430.481.272</u>	<u>15.621.372.700</u>
<b>Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng</b> (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	5.588.571.428	6.508.211.428
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u>6.841.909.844</u>	<u>9.113.161.272</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5**Số 203 Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn  
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN/HN****18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2012</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>9.828.000.000</b>	<b>5.397.093.115</b>	<b>16.696.850.652</b>	<b>2.870.807.967</b>	<b>13.512.248.109</b>	<b>98.304.999.843</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	7.463.743.543	7.463.743.543
Trích các quỹ	-	-	-	57.041.817	45.002.400	(102.044.217)	-
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Chi quỹ	-	-	-	(117.698.000)	-	-	(117.698.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.433.440.083)	(1.433.440.083)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(59.500.000)	(59.500.000)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2013</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>9.828.000.000</b>	<b>5.397.093.115</b>	<b>16.636.194.469</b>	<b>2.915.810.367</b>	<b>12.381.007.352</b>	<b>97.158.105.303</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	1.558.670.755	1.558.670.755
Chuyển từ quỹ khác sang	-	-	694.960.000	(694.960.000)	-	-	-
Trích các quỹ	-	-	-	2.501.303.291	384.815.890	(2.886.119.181)	-
Chia cổ tức năm 2012	-	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(962.039.727)	(962.039.727)
Giảm khác (*)	-	-	-	-	(1.247.334.901)	-	(1.247.334.901)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2013</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>9.828.000.000</b>	<b>6.092.053.115</b>	<b>18.442.537.760</b>	<b>2.053.291.356</b>	<b>5.091.519.199</b>	<b>91.507.401.430</b>

(\*) Theo Nghị quyết số 53/06/2013/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Hội đồng Quản trị, Công ty sử dụng quỹ dự phòng tài chính để xử lý xóa sổ toàn bộ chi phí đầu tư dự án Nhà máy nước Nghi Sơn do dự án đầu tư không khả thi và hiệu quả không cao.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có 5.000.000 cổ phiếu phổ thông đang lưu hành. Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5**Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn  
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Cổ tức và trích các quỹ**

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chia cổ tức và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2012 như sau:

- Chia cổ tức:	5.000.000.000 VND;
- Trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi:	962.039.727 VND;
- Trích quỹ đầu tư phát triển:	2.501.303.291 VND;
- Trích quỹ dự phòng tài chính:	384.815.890 VND.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần ngày 16 tháng 02 năm 2011 (thay đổi lần 8) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn thực góp đến ngày 30/6/2013		
	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Thành tiền VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	2.550.000	51,00%	2.550.000	51,00%	25.500.000.000
Các cổ đông khác	2.450.000	49,00%	2.450.000	49,00%	24.500.000.000
	<b>5.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>5.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>50.000.000.000</b>

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	196.868.417.849	302.987.177.425
Doanh thu khác	6.317.369.973	22.187.523.488
	<b>203.185.787.822</b>	<b>325.174.700.913</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	174.442.594.109	271.699.549.884
Giá vốn khác	5.556.190.662	21.815.174.094
	<b>179.998.784.771</b>	<b>293.514.723.978</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5**Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn  
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	935.000.000	-
Tiền thu từ thanh lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	1.986.556.081	-
Khác	72.087.964	588.407.690
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2.993.644.045</b>	<b>588.407.690</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	4.263.839	-
Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thanh lý	51.974.321	-
Khác	276.210.289	-
Chi phí khác	332.448.449	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>2.661.195.596</b>	<b>588.407.690</b>

**22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.558.670.755	2.620.280.557
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>312</b>	<b>524</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	89.167.862.676	188.352.776.335
Chi phí nhân công	49.319.278.794	65.004.370.260
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.085.247.559	6.117.244.068
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.648.698.645	6.752.496.088
Chi phí khác bằng tiền	12.791.020.261	15.374.428.304
Các khoản dự phòng	(1.646.167.993)	1.969.642.614
	<b>155.365.939.942</b>	<b>283.570.957.669</b>

**24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp và cung cấp dịch vụ có liên quan. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh xây lắp và dịch vụ khác.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5**Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn  
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 và số 17, trừ đi số dư tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các khoản vay	372.078.617.302	351.476.337.899
Trừ: Tiền	10.081.198.564	9.048.755.082
Nợ thuần	361.997.418.738	342.427.582.817
Vốn chủ sở hữu	<u>91.507.401.430</u>	<u>97.158.105.303</u>
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b><u>3,96</u></b>	<b><u>3,52</u></b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	10.081.198.564	9.048.755.082
Phải thu khách hàng và phải thu khác	278.658.822.841	246.085.120.832
Đầu tư ngắn hạn khác	-	3.500.000.000
Tài sản tài chính khác	938.750.000	938.750.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>289.678.771.405</u></b>	<b><u>259.572.625.914</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	372.078.617.302	351.476.337.899
Phải trả người bán và phải trả khác	110.423.551.307	126.289.769.324
Chi phí phải trả	18.491.443.539	38.655.398.688
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>500.993.612.148</u></b>	<b><u>516.421.505.911</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính ri và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối kỳ là số dư tiền vay trong suốt kỳ hoạt động, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ giảm/tăng 3.720.786.173 VND (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012: 3.514.763.379 VND)

	<b>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</b>	<b>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư tiền vay	372.078.617.302	351.476.337.899
Khoản vay có lãi suất cố định	-	-
Khoản vay có lãi suất thả nổi	372.078.617.302	351.476.337.899
Số điểm cơ bản 200 điểm (2%) thay đổi	2%	2%
Lãi tương ứng (độ nhạy)	3.720.786.173	3.514.763.379

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Ngoài các khoản phải thu của một số khách hàng đã được Công ty lập dự phòng phải thu khó đòi, Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng hoặc đối tác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5**Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn  
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 đến 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>30/6/2013</b>			
Tiền	10.081.198.564	-	10.081.198.564
Phải thu khách hàng và phải thu khác	278.658.822.841	-	278.658.822.841
Tài sản tài chính khác	938.750.000	-	938.750.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>289.678.771.405</b>	<b>-</b>	<b>289.678.771.405</b>
<b>30/6/2013</b>			
Các khoản vay	365.236.707.458	6.841.909.844	372.078.617.302
Phải trả người bán và phải trả khác	110.423.551.307	-	110.423.551.307
Chi phí phải trả	18.491.443.539	-	18.491.443.539
<b>Tổng cộng</b>	<b>494.151.702.304</b>	<b>6.841.909.844</b>	<b>500.993.612.148</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(204.472.930.899)</b>	<b>(6.841.909.844)</b>	<b>(211.314.840.743)</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 đến 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>31/12/2012</b>			
Tiền	9.048.755.082	-	9.048.755.082
Phải thu khách hàng và phải thu khác	246.085.120.832	-	246.085.120.832
Đầu tư ngắn hạn khác	3.500.000.000	-	3.500.000.000
Tài sản tài chính khác	938.750.000	-	938.750.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>259.572.625.914</b>	<b>-</b>	<b>259.572.625.914</b>
<b>31/12/2012</b>			
Các khoản vay	342.363.176.627	9.113.161.272	351.476.337.899
Phải trả người bán và phải trả khác	126.289.769.324	-	126.289.769.324
Chi phí phải trả	38.655.398.688	-	38.655.398.688
<b>Tổng cộng</b>	<b>507.308.344.639</b>	<b>9.113.161.272</b>	<b>516.421.505.911</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(247.735.718.725)</b>	<b>(9.113.161.272)</b>	<b>(256.848.879.997)</b>

Ban Giám đốc Công ty đánh giá có rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

3011:  
CỘNG  
HÒA  
XÃ HỘI  
CHÍNH  
ĐỊNH  
VIỆT  
NAM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**Danh sách các bên liên quan:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối liên hệ</b>
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ
BQL Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	Ban quản lý thuộc Tổng công ty
BĐH Dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt	Ban điều hành thuộc Tổng công ty
BĐH Ký túc xá Đại học Quốc gia TP.HCM	Ban điều hành thuộc Tổng công ty
BĐH thi công giai đoạn 1 dự án KĐT Bắc An Khánh	Ban điều hành thuộc Tổng công ty
Công ty CP Xây dựng số 1	Công ty thuộc Tổng công ty
Công ty CP Xây dựng số 2	Công ty thuộc Tổng công ty
Công ty CP Xây dựng số 6	Công ty liên doanh/liên kết của Tổng công ty
Công ty CP Xây dựng số 7	Công ty thuộc Tổng công ty
Công ty CP Xây dựng số 9	Công ty thuộc Tổng công ty
Công ty CP Xây dựng số 11	Công ty liên doanh/liên kết của Tổng công ty
Công ty CP Xây dựng số 12	Công ty thuộc Tổng công ty
Công ty CP Xây dựng số 15	Công ty thuộc Tổng công ty
Công ty CP Xây dựng số 16	Công ty thuộc Tổng công ty
Công ty CP Xây dựng số 25	Công ty thuộc Tổng công ty
Công ty CP Phát triển Thương mại Vinaconex	Công ty thuộc Tổng công ty
Công ty CP Xây dựng Công trình Ngầm Vinavico	Công ty liên doanh/liên kết của Tổng công ty
Công ty CP Vimenco	Công ty thuộc Tổng công ty
Công ty CP ĐT và PT Du lịch Vinaconex	Công ty thuộc Tổng công ty
Công ty CP Đầu tư PT Nhà và Đô thị Vinaconex	Công ty thuộc Tổng công ty
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	Công ty thuộc Tổng công ty
Công ty CP ĐTXD và PT Năng lượng Vinaconex	Công ty liên doanh/liên kết của Tổng công ty



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5**Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn  
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/6/2013</u>	<u>Từ ngày 01/01/2012</u> <u>đến ngày 30/6/2012</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>		
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	7.867.594.316	32.604.040.000
Công ty CP Xây dựng số 9	14.644.872.524	11.438.631.858
Công ty CP Phát triển Thương mại Vinaconex	27.833.806.463	18.189.987.445
BQL Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	9.865.742.858	-
BĐH Dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt	18.260.701.428	-
BĐH Ký túc xá Đại học Quốc gia TP.HCM	21.185.816.679	5.700.232.627
Công ty CP Xây dựng số 2	3.009.782.018	-
BĐH thị công GD 1 dự án KĐT Bắc An Khánh	2.674.992.091	-
Công ty CP Xây dựng Công trình Ngầm	-	10.348.754.477
Công ty CP Vimeco	5.329.028.182	45.710.224.464
<b>Mua hàng trong kỳ</b>		
Công ty CP phát triển Thương mại Vinaconex	1.669.526.603	-
Công ty CP Xây dựng số 9	192.123.826	838.214.781
Công ty CP Vimeco	1.379.960.197	31.414.462.321
Công ty CP Xây dựng số 11	224.400.000	-
Công ty CP Xây dựng số 12	10.416.000	-
Công ty CP ĐT và PT DL Vinaconex	748.000.000	-
Công ty CP Đầu tư PT nhà và đô thị Vinaconex	40.196.820	-
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Xuân Mai	-	32.200.000
<b>Số dư với các bên liên quan:</b>		
	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
<b>Phải thu</b>		
BĐH Dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt	11.850.190.324	19.002.943.072
BĐH Ký túc xá Đại học Quốc gia TP.HCM	-	1.385.750.946
BĐH Thị công GD 1 Dự án KĐT Bắc An Khánh	1.462.383.681	400.920.188
BQL Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	8.235.150.794	1.454.466.478
Công ty CP Xây dựng số 11	21.568.684	857.974.828
Công ty CP ĐTXD và PT Năng lượng Vinaconex	-	1.000.000.000
Công ty CP Vimeco	25.222.235.667	23.669.769.959
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Xuân Mai	925.601.572	2.436.948.354
Công ty CP Xây dựng Công trình Ngầm Vinavico	14.812.257.335	18.024.875.381
Công ty CP Xây dựng số 9	27.584.338.753	23.571.125.084
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	37.751.696.740	47.613.337.811
Công ty CP Phát triển Thương Mại Vinaconex	35.093.357.434	10.875.920.487
Công ty CP Xây dựng số 15	93.157.828	-
Công ty CP Xây dựng số 6	51.424.000	51.424.000
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty CP Xây dựng số 6	7.042.414	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5**Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn  
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo):

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
<b>Phải trả</b>		
Công ty CPĐT và PT Nhà và Đô thị Vinaconex	40.196.820	-
Công ty CP Xây dựng số 12	67.708.000	57.292.000
Công ty CP Phát triển Thương mại Vinaconex	11.301.110.199	9.631.583.596
Công ty CP Vimeco	22.196.227.689	20.896.264.207
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Xuân Mai	62.025.996	301.765.644
Công ty CP Xây dựng số 9	653.816.460	672.322.686
Công ty CP Xây dựng số 6	187.915.800	187.915.800
Công ty CP Xây dựng số 25	729.450.000	929.450.000
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	28.770.357	-
Công ty CP Xây dựng số 7	5.427.327	-
Công ty CP Xây dựng số 1	13.124.631	13.124.631
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
BĐH Dự án Xây dựng Đại học Quốc gia TP.HCM	5.668.121.225	1.817.607.261
BQL Mỏ rộng đường Láng - Hòa Lạc	-	1.000.000.000
BĐH Thi công giai đoạn 1 Dự án KĐT Bắc An Khánh	9.603.778	-
Công ty CP Vimeco	2.113.089.380	2.113.089.380
Công ty CP Xây dựng số 2	4.980.731.154	6.789.195.574
Công ty CP Xây dựng số 9	152.523.375	442.252.600
Công ty CP Xây dựng số 15	357.560.637	-
Công ty CP Xây dựng số 16	350.000.000	-
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	1.171.737.259	353.276.439
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>		
	<u>Từ ngày 01/01/2013</u>	<u>Từ ngày 01/01/2012</u>
	<u>đến ngày 30/6/2013</u>	<u>đến ngày 30/6/2012</u>
	VND	VND
Thu nhập Ban Giám đốc	706.985.000	1.028.472.000

**28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 09 tháng 7 năm 2013, Công ty đã chuyển giao toàn bộ 510.000 cổ phần do Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xây lắp Trang trí Nội thất Việt Nam với giá trị chuyển giao là 5.100.000.000 VND, theo đó kể từ ngày 09 tháng 7 năm 2013, Công ty Cổ phần Xây lắp Trang trí Nội thất Việt Nam không còn là công ty con của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5**Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn  
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty đã được soát xét.

Một số số liệu đầu kỳ được phân loại lại như sau:

Khoản mục	Số trước phân loại	Số sau phân loại	Chênh lệch
	lại 31/12/2012	lại 31/12/2012	
	VND	VND	VND
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10.856.971.994	12.381.007.352	(1.524.035.358)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	6.526.790.341	5.002.754.983	1.524.035.358



Trần Thị Kim Oanh  
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 8 năm 2013



Mai Văn Sơn  
Kế toán trưởng



Ngô Hải An  
Tổng Giám đốc

